

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HS-PT

Ngày 27 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Liêm**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Thế Cẩm**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Ông **Cáp Minh Hào** - Kiểm sát viên.

Ngày **27** tháng **03** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số **38/2019/TLPT-HS** ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo **Huỳnh Văn T**; do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P với bản án hình sự sơ thẩm số **27/2018/HS-ST** ngày **27** tháng **11** năm **2018** của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo bị kháng nghị: **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: thôn L, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: khối phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị C; có vợ tên Lô Thị Bích N; có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần 1: Vào một ngày cuối năm 2017, Huỳnh Văn T đi cắt cỏ ở gần khu vực mỏ đá Chà Ró, khi đi vào khu vực mỏ đá thì T phát hiện cuộn dây điện 70m φ 240, lõi bên trong gồm nhiều sợi dây bằng nhôm được chôn dưới đất (có một phần nhô lên mặt đất) nhưng không có người trông coi và không đấu điện vào nguồn điện, T nảy sinh ý định trộm cắp nên kéo sợi dây điện lên, sau đó cuộn lại, lõi vào rừng keo gần đó cất giấu. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T đi đến nhà bà Nguyễn

Thị B (*dì ruột của T*) tại khối phố N, thị trấn P, huyện P mượn 01 xe bò, dùng xe máy 92K7- 3934 kéo xe bò đi đến khu vực nơi cất giấu dây điện rồi chở cuộn dây điện về nhà ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị C. T nói với cha mẹ là nhặt được. Sau đó, T dùng lưỡi cưa cắt ngắn từng đoạn dây rồi cùng cha mẹ gọt tuốt vỏ nhựa bên ngoài dây điện lấy phần lõi nhôm mang đến tiệm phế liệu của bà Trần Thị Kim N tại thôn C, xã T, huyện P bán được số tiền 1.500.000 đồng. Trị giá của 70m dây điện $\varnothing$ 240 là 11.200.000 đồng.

Lần 2: Vào buổi trưa một ngày đầu tháng 4 năm 2018, T đi xe máy biển số 92K7- 3934 đến khu vực mỏ đá Chà Ró để tìm tài sản trộm cắp, T thấy trong khu vực mỏ đá có nhiều cần khoan BMK5 để rải rác tại đây nhưng không có người trông coi, T lấy 06 cần khoan BMK5 mang đến tiệm phế liệu bà Huỳnh Thị T tại thôn Đ, xã T, huyện P bán được 450.000 đồng. Trị giá 06 cần khoan BMK5 là 2.730.000 đồng.

Lần 3: Trưa ngày 24/4/2018, Huỳnh Văn T điều khiển xe máy 92K7-3934 đi đến khu vực mỏ đá Chà Ró để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, T để xe máy ở ngoài rồi đi vào mỏ đá thấy không có người trông coi, T lấy 03 cần khoan BMK5 nằm rải rác tại khu vực khai thác đá vác ra nơi để xe máy của mình. Sau đó, T tiếp tục quay vào lấy 01 cuộn dây điện 50 m $\varnothing$ 20 lõi đồng vỏ nhựa trắng mang ra xe và điều khiển xe chở toàn bộ tài sản trộm cắp đến tiệm phế liệu của chị Huỳnh Thị T. T bán 03 cần khoan cho chị T được 205.000 đồng, còn cuộn dây điện do chị T trả giá thấp nên T mang về nhà mình dùng lửa đốt cháy phần vỏ, lấy phần lõi đồng quay lại bán cho chị T được 220.000 đồng. Trị giá 03 cần khoan BMK5 là 1.365.000 đồng, 50m dây điện $\varnothing$ 20 có lõi bằng đồng trị giá 1.000.000 đồng, tổng giá trị là 2.365.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện P kết luận giá trị của 03 tài sản trộm cắp: 70 mét dây điện giá trị tại thời điểm tháng 12/2017 là 11.200.000 đồng; 09 cần khoan BMK 5 giá trị tại thời điểm tháng 4.2018 là 4.095.000 đồng; 50 mét dây điện giá trị tại thời điểm tháng 4/2018 là 1.000.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 8 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân huyện P kháng nghị về phần hình phạt, đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng không cho bị cáo Huỳnh Văn T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có quan điểm giữ nguyên quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không cho bị cáo Huỳnh Văn T được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P là phù hợp các Điều 41, Điều 336, 337, 338 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Huỳnh Văn T khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2017 đến ngày 24/4/2018, tại khu vực mỏ đá Chà Ró thuộc khối phố N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Quảng Nam, Huỳnh Văn T đã 03 lần thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản chiếm đoạt của anh Trần Xuân L 09 cần khoan lại BMK5, 70 mét dây điện φ 240 và 50 mét dây điện φ 20 có tổng trị giá 16.295.000 đồng (*Mười sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P thì thấy:

Bị cáo Huỳnh Văn T đã 03 lần thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của anh Trần Xuân L là tình tiết tăng nặng phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định điểm i khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để làm căn cứ xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T **08 (tám)** tháng tù và cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp. Vì căn cứ theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo T không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng không cho bị cáo Huỳnh Văn T hưởng án treo.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 8 (*tám*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/3/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Phòng PV27 CA Q.Nam;
- Công an huyện P;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Xuân Liêm